

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-31
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-31



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Quang	Chủ tịch	
Ông Vũ Hữu Tuyển	Ủy viên	
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên	
Ông Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2019
Ông Lưu Thành Nam	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 10/04/2019

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Toàn	Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Mạnh Hùng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2019

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban	
Bà Đoàn Kim Anh	Thành viên	
Ông Đoàn Duy Thái	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Anh Toàn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 23 tháng 07 năm 2019, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2019

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		56.448.846.505	52.648.083.642
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	30.627.344.097	28.192.324.306
111	1. Tiền		30.627.344.097	28.192.324.306
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	22.600.000.000	22.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.600.000.000	22.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.540.399.322	1.314.944.003
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.240.270.512	513.764.800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	400.410.000	341.054.600
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	899.718.810	460.124.603
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		681.103.086	540.815.333
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	681.103.086	540.815.333
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		69.515.042.402	74.891.476.162
220	II. Tài sản cố định		68.335.583.736	73.712.017.496
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	67.741.025.702	72.888.343.090
222	- Nguyên giá		167.661.434.625	166.496.201.807
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(99.920.408.923)	(93.607.858.717)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	594.558.034	823.674.406
228	- Nguyên giá		2.272.988.682	2.272.988.682
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.678.430.648)	(1.449.314.276)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.179.458.666	1.179.458.666
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	1.179.458.666	1.179.458.666
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		125.963.888.907	127.539.559.804

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		17.845.377.734	16.131.827.639
310	I. Nợ ngắn hạn		17.845.377.734	16.131.827.639
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	3.976.458.473	5.393.468.912
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	835.534.318	1.182.934.869
314	3. Phải trả người lao động		7.139.662.935	7.211.498.735
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	299.656.455	-
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	272.002.245	232.739.515
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.270.313.216	512.327.061
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.051.750.092	1.598.858.547
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		108.118.511.173	111.407.732.165
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	108.118.511.173	111.407.732.165
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.380.000.000	4.180.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.722.881.799	12.212.102.791
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		-	1.142.404.977
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		6.722.881.799	11.069.697.814
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		125.963.888.907	127.539.559.804



Vũ Thị Loan
Người lập




Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	71.848.949.273	70.280.424.221
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		71.848.949.273	70.280.424.221
11	4. Giá vốn hàng bán	20	57.706.818.186	56.372.846.246
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.142.131.087	13.907.577.975
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	768.838.579	710.832.660
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	4.882.119.737	4.603.621.280
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.028.849.929	10.014.789.355
31	11. Thu nhập khác	23	4.015.924	2.083.931
32	12. Chi phí khác	24	101.263.613	957.425.437
40	13. Lợi nhuận khác		(97.247.689)	(955.341.506)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.931.602.240	9.059.447.849
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác		1.528.000.000	1.528.000.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Công ty		8.403.602.240	7.531.447.849
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	1.680.720.441	1.515.879.640
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.722.881.799</u>	<u>6.015.568.209</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	708	633

Loan

Thạch Thị Kim Nga

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI
 M.S.D.N: 0100106528 - C.T.C.P
 Q. HOANG MAI - T.P. HÀ NỘI

Vũ Thị Loan
 Người lập

Thạch Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu	06 tháng đầu
			năm 2019	năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.931.602.240	9.059.447.849
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.541.666.578	6.278.243.780
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(768.838.579)	(285.580.405)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	428.675.909
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.704.430.239	15.480.787.133
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.227.022.441)	(681.284.657)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(320.501.944)	(420.032.096)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(140.287.753)	(147.525.519)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.149.731.247)	(1.083.802.774)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.959.211.246)	(2.072.865.870)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.907.675.608	11.075.276.217
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.165.232.818)	(3.922.185.190)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	95.454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.600.000.000)	(2.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		22.600.000.000	2.600.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		770.405.701	689.392.660
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(394.827.117)	(3.137.337.985)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.077.828.700)	(4.606.540.730)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(7.077.828.700)	(4.606.540.730)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.435.019.791	3.331.397.502
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.192.324.306	18.238.094.903
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	30.627.344.097	21.569.492.405



Vũ Thị Loan
 Người lập



Thạch Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Toàn
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ bến đỗ xe.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Bến xe phía Bắc - Bến xe Gia Lâm
- Bến xe phía Tây - Bến xe Mỹ Đình
- Bến xe phía Nam - Bến xe Giáp Bát

Địa chỉ

- Hà Nội
- Hà Nội
- Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội về việc hợp tác cho thuê bãi đỗ xe Mỹ Đình (khu mở rộng). Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Trong 6 tháng đầu năm 2019, toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	405.098.254	302.886.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.539.287.321	26.439.665.508
Tiền đang chuyển	1.682.958.522	1.449.772.798
	30.627.344.097	28.192.324.306

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	22.600.000.000	22.600.000.000	22.600.000.000	22.600.000.000
	22.600.000.000	22.600.000.000	22.600.000.000	22.600.000.000

Tại ngày 30/06/2019, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 22.600.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất từ 5,8%/năm đến 6,2%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	89.710.000	-	92.782.000	-
- Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	298.397.000	-	142.419.000	-
- Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	132.012.000	-	136.269.000	-
- HTX Dịch vụ Hỗ trợ Vận tải Ô tô Ka Long	187.886.000	-	25.013.000	-
- Phải thu khách hàng khác	532.265.512	-	117.281.800	-
	1.240.270.512	-	513.764.800	-
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	855.073.600	-	406.023.800	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Công nghệ Futech	108.480.000	-	134.165.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	120.000.000	-	120.000.000	-
- Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Mặt trời Hoàn Cầu	-	-	86.889.600	-
- Trả trước cho người bán khác	171.930.000	-	-	-
	400.410.000	-	341.054.600	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	390.000.000	-	391.567.122	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	16.168.820	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	8.562.215	-
Tạm ứng	496.200.000	-	-	-
Phải thu khác	13.518.810	-	43.826.446	-
	899.718.810	-	460.124.603	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	832.034.666	832.034.666
- Dự án bãi đỗ xe tải phía Nam ⁽¹⁾	635.956.364	635.956.364
- Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình ⁽²⁾	196.078.302	196.078.302
Mua sắm tài sản cố định	347.424.000	347.424.000
- Giải pháp quản lý tập trung - Trung tâm điều hành ⁽³⁾	347.424.000	347.424.000
	<u>1.179.458.666</u>	<u>1.179.458.666</u>

(1) Dự án xây dựng bãi đỗ xe trong phân khu S5 huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Đến thời điểm 30/06/2019, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế bãi đỗ xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2756/UBND-DT ngày 19/06/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về việc yêu cầu Công ty tập trung nguồn lực để tiếp tục triển khai giai đoạn 1, chấm dứt nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2 của dự án và lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(2) Dự án xây dựng nhà để xe đa năng ở bến xe Mỹ Đình. Đến thời điểm 30/06/2019, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế nhà để xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2209/QHKT-TMB-PAKT-P1 ngày 19/04/2018 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận tổng mặt bằng phương án kiến trúc của dự án.

(3) Dự án Giải pháp quản lý tập trung - Trung tâm điều hành nhằm phục vụ cho công tác giám sát tại các bến xe, quản lý theo dõi các xe ra vào bến xe thuộc Công ty. Đến thời điểm 30/06/2019, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến mảng cơ sở hạ tầng của dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	147.853.616.825	1.616.797.274	6.752.661.938	10.273.125.770	166.496.201.807					
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	211.131.000					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	954.101.818	-	-	-	-					954.101.818
Số dư cuối kỳ	148.807.718.643	1.616.797.274	6.752.661.938	10.484.256.770	167.661.434.625					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	81.007.575.814	1.453.704.628	4.263.039.549	6.883.538.726	93.607.858.717					
- Khấu hao trong kỳ	4.914.589.614	28.632.120	438.073.497	931.254.975	6.312.550.206					
Số dư cuối kỳ	85.922.165.428	1.482.336.748	4.701.113.046	7.814.793.701	99.920.408.923					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	66.846.041.011	163.092.646	2.489.622.389	3.389.587.044	72.888.343.090					
Tại ngày cuối kỳ	62.885.553.215	134.460.526	2.051.548.892	2.669.463.069	67.741.025.702					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.312.427.267 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại thời điểm 30/06/2019, tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm kế toán, phần mềm lập hoá đơn, phần mềm quản lý thông tin bán vé với tổng nguyên giá là 2.272.988.682 đồng, hao mòn lũy kế là 1.678.430.648 đồng, chi phí khấu hao trong 06 tháng đầu năm 2019 là 229.116.372 đồng. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 938.920.000 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	681.103.086	540.815.333
	<u>681.103.086</u>	<u>540.815.333</u>

12 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Nam Thái	644.965.000	644.965.000	857.459.000	857.459.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ THG	1.097.565.000	1.097.565.000	1.013.486.000	1.013.486.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Công nghệ Thông minh	461.291.000	461.291.000	903.387.000	903.387.000
- Phải trả các đối tượng khác	1.772.637.473	1.772.637.473	2.619.136.912	2.619.136.912
	<u>3.976.458.473</u>	<u>3.976.458.473</u>	<u>5.393.468.912</u>	<u>5.393.468.912</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>19.230.000</u>	<u>19.230.000</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Giác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	608.337.949	5.166.800.931	5.062.802.299	5.062.802.299	-	712.336.581	-	712.336.581	-	-	34.266.492
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	503.240.934	1.680.756.805	2.149.731.247	2.149.731.247	-	88.931.245	-	88.931.245	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	71.355.986	247.574.927	229.999.668	229.999.668	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	1.458.331.064	1.458.331.064	1.458.331.064	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	6.000.000	-	-	-	-	-	-	-
	-	1.182.934.869	8.559.463.727	8.906.864.278	8.906.864.278	-	835.534.318	-	835.534.318	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Chi phí thuê đất	282.638.273	-
- Chi phí khác	17.018.182	-
	<u>299.656.455</u>	<u>-</u>

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	268.016.791	230.109.514
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	3.985.454	2.630.001
	<u>272.002.245</u>	<u>232.739.515</u>

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	254.077.966	275.964.430
- Bảo hiểm xã hội	597.048.876	-
- Bảo hiểm y tế	114.181.531	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	21.771.480	7.536.296
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	736.095.820	213.924.520
- Phải trả Trung tâm Thương mại và Dịch vụ tiền hợp tác kinh doanh bến xe Mỹ Đình mở rộng	1.528.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.137.543	14.901.815
	<u>3.270.313.216</u>	<u>512.327.061</u>
Phải trả khác là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)</i>	<u>1.528.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000	15.629.374	15.629.374	1.900.000.000	12.019.881.976	108.935.511.350			
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	6.015.568.209	6.015.568.209			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.280.000.000	(10.877.476.999)	(8.597.476.999)			
Số dư cuối kỳ trước	95.000.000.000	15.629.374	15.629.374	4.180.000.000	7.157.973.186	106.353.602.560			
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	15.629.374	15.629.374	4.180.000.000	12.212.102.791	111.407.732.165			
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	6.722.881.799	6.722.881.799			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.200.000.000	(12.212.102.791)	(10.012.102.791)			
Số dư cuối kỳ này	95.000.000.000	15.629.374	15.629.374	6.380.000.000	6.722.881.799	108.118.511.173			

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 195NQ/ĐHĐCĐ ngày 10/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	12.212.102.791
Trích Quỹ đầu tư phát triển	18,01%	2.200.000.000
Trích thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	1,02%	124.320.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18,73%	2.287.782.791
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ)	62,23%	7.600.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	67,06%	63.704.000.000	67,06%	63.704.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	16,36%	15.538.440.000	16,36%	15.538.440.000
Các cổ đông khác	16,59%	15.757.560.000	16,59%	15.757.560.000
	100%	95.000.000.000	100%	95.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2019 VND	06 tháng đầu năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	213.924.520	112.901.520
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	7.600.000.000	5.700.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	7.600.000.000	5.700.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(7.077.828.700)	(5.598.977.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(7.077.828.700)	(5.598.977.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	736.095.820	213.924.520

d) Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.380.000.000	4.180.000.000
	6.380.000.000	4.180.000.000

18 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 20 Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm; Số 9 Ngô Gia Khảm, Quận Long Biên và lô đất tại Bến xe Giáp Bát, Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng và vận hành các bến xe. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu về cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi	60.316.718.191	59.039.349.079
Doanh thu về cung cấp dịch vụ khác	11.532.231.082	11.241.075.142
	71.848.949.273	70.280.424.221
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	3.085.471.636	3.336.816.185

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ cho thuê bến bãi đã cung cấp	47.971.818.186	46.907.346.246
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	9.735.000.000	9.465.500.000
	57.706.818.186	56.372.846.246

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	768.838.579	710.832.660
	768.838.579	710.832.660

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.917.115.664	3.290.088.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	635.248.483	564.255.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.071.898	168.124.180
Chi phí khác bằng tiền	218.683.692	581.152.608
	4.882.119.737	4.603.621.280

23 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tiền phạt thu được	4.000.000	-
Thu nhập khác	15.924	2.083.931
	4.015.924	2.083.931

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

24 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	425.252.255
Các khoản bị phạt	97.327.613	-
Chi phí khác	3.936.000	532.173.182
	101.263.613	957.425.437

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.403.602.240	7.531.447.849
Các khoản điều chỉnh tăng	-	47.950.350
- Chi phí không hợp lệ	-	47.950.350
Thu nhập chịu thuế TNDN	8.403.602.240	7.579.398.199
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.680.720.441	1.515.879.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp xe tăng cường (2%)	36.364	1.019.637
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	503.240.934	442.488.212
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.149.731.247)	(1.084.822.411)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	34.266.492	874.565.078

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.722.881.799	6.015.568.209
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.722.881.799	6.015.568.209
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	708	633

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	30.641.837.856	30.370.056.216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.541.666.578	6.278.243.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.272.265.881	12.701.130.681
Chi phí khác bằng tiền	12.133.167.608	11.627.036.849
	<u>62.588.937.923</u>	<u>60.976.467.526</u>

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.627.344.097	-	28.192.324.306	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.139.989.322		973.889.403	-
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-
	<u>55.367.333.419</u>	<u>-</u>	<u>51.766.213.709</u>	<u>-</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	7.246.771.689	5.905.795.973
Chi phí phải trả	299.656.455	-
	<u>7.546.428.144</u>	<u>5.905.795.973</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.627.344.097	-	-	30.627.344.097
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.139.989.322	-	-	2.139.989.322
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	<u>55.367.333.419</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>55.367.333.419</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.192.324.306	-	-	28.192.324.306
Phải thu khách hàng, phải thu khác	973.889.403	-	-	973.889.403
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	<u>51.766.213.709</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>51.766.213.709</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu	3.085.471.636	3.336.816.185
Trung tâm Tân Đạt	202.282.545	349.548.907
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	294.898.182	268.485.453
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	52.584.545	266.048.182
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	105.587.091	182.972.725
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	712.620.000	713.470.908
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	787.316.364	780.120.004
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	179.316.909	352.382.729
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	485.267.273	418.696.368
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	207.147.818	5.090.909
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	58.450.909	-
Mua hàng	331.251.083	105.739.828
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	254.545.454	-
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	76.705.629	84.376.192
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	-	21.363.636
Phân chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.528.000.000	1.528.000.000
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	1.528.000.000	1.528.000.000
Trả cổ tức	5.096.320.000	5.700.000.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	5.096.320.000	5.700.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu khách hàng	855.073.600	406.023.800
Trung tâm Tân Đạt	15.000.000	-
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	111.287.000	11.204.200
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	9.765.000	9.837.000
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	45.847.600	-
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	132.012.000	136.269.000
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	298.397.000	142.419.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	84.020.000	13.512.600
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	89.710.000	92.782.000
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	58.235.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	10.800.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	-	19.230.000
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	-	19.230.000
Phải trả khác	1.528.000.000	-
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	1.528.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	253.820.000	240.600.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	426.810.000	618.000.000

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.



Vũ Thị Loan
 Người lập





Thạch Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2019

